

Phẩm thứ mười lăm: THẬP TRÚ

A- Ý ĐƯA RA: Trên đây trải qua trình bày đã làm sáng tỏ về phần Chánh Tông thích hợp nên hiển bày, cho nên tiếp theo đưa ra. Lại trước phân rõ về đức của Phật là thụ động dựa vào, nay phân rõ về Thập Trú là chủ động dựa vào, cho nên tiếp theo đưa ra.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Tuệ trú vào Lý đạt được phần vị không lui sụt, cho nên gọi là Trú. Kinh Bốn Nghiệp quyển Hạ nói: “Bắt đầu tiến vào cảnh giới của Không, trú vào phần vị của tánh Không, cho nên gọi là Trú.” Nhưng nghĩa của Trú có nhiều loại, dựa vào trọn vẹn mà nói là mười, nói tổng quát là Thập Trú, là Đới số thích. Các phẩm sau có mười, dựa theo đây có thể biết.

C- TÔNG THỨ: Dùng pháp thực hành của Thập Trú làm Tông, thâm nhiếp phần vị đạt được quả làm Thứ.

D- GIẢI THÍCH VĂN: Bốn phẩm phân làm hai, ba phẩm trước nói về đức thuộc công hạnh ở phần vị ấy, một phẩm sau là Thắng tiến hưởng về phần vị sau. Hội trước không có Thắng tiến, mà chỉ là hưởng về phần vị, bởi vì phương tiện chưa thành tựu phần vị. Hội Hưởng là phần vị không có Thắng tiến, bởi vì phần vị Tam Hiền đầy đủ toàn bộ là phương tiện hưởng về Địa, cũng hiển bày hưởng về không có phân biệt mà lia xa tướng hưởng về.

Nay ba phẩm trước phân ba: Phẩm đầu là phân rõ về phần vị, phẩm tiếp là phân rõ về công hạnh, phẩm sau là trình bày về công đức.

Phẩm đầu cũng gọi là Giải, văn phân ra bảy phần: Một: Phần Tam-muội; Hai: Phần gia hộ; Ba: Phần phát khởi; Bốn: Phần căn bản; Năm: Phần thuyết giảng; Sáu: Phần chứng thành; Bảy: Phần trùng tụng.

Một: Phần Tam-muội. Vì sao nhập Định? Sơ lược phân rõ về sáu ý: 1- Bởi vì Tam-muội này là Thể của pháp; 2- Bởi vì không chứng thì không thuyết giảng; 3- Bởi vì hiển bày về pháp này không phải là cảnh của suy nghĩ; 4- Bởi vì quán xét căn cơ biết rõ về pháp; 5- Bởi vì được Phật gia hộ; 6- Bởi vì trở thành nghi thức chuẩn mực. Còn lại như giải thích sâu xa (Huyền thuyết).

Văn có ba phần riêng biệt: 1- Người nhập Định, Pháp Tuệ nhập Định là bởi vì đứng đầu Đại chúng, người khác nhập Định thì rối loạn bởi vì không điều phục, hiển bày Pháp Tuệ có thể thuyết giảng về Thập Trú. 2- Dựa vào nhập Định, nghĩa là nương theo uy lực của Phật, cho nên suy ra công đức thuộc về Hóa chủ, biểu thị không có khinh mạn.

3- Tên gọi nhập Định, bởi vì chọn lấy Định thuộc quả cho nên nói là Bồ-tát, tùy theo tánh có thể nhận biết mà khéo léo quán sát hiểu rõ, cho nên gọi là Phương tiện. Thập Trú đều khéo léo thâm nhiếp nhiều môn, cho nên nói là Vô lượng; tâm đến với pháp cho nên nói là Nhập. Lại tất cả Tam-muội đều có ba tướng, đó là nhập-trú và xuất. Năm Thức đối với cảnh thì ý thuận theo căn môn mà phát ra (Xuất), rời xa cảnh-bảo vệ căn thì ý thức lại tiến vào (Nhập), đây là bao gồm Quyên-Tiểu. Nay vắng lặng ngay nơi soi chiếu cho nên gọi là Nhập, soi chiếu ngay nơi vắng lặng cho nên gọi là Xuất, nhập rồi chưa rời ra cho nên gọi là Trú. Những Tam-muội khác đều như trước giải thích.

Hai: Từ “Dĩ Tam-muội...” trở xuống là phần Gia hộ, trong đó có ba: 1- Tổng quát phân rõ về nhân duyên; 2- Trình bày về gia hộ qua việc đã làm; 3- Riêng biệt hiển bày về tướng gia hộ.

Nay phần 1: Lại có ba: a- Nêu ra nguyên nhân gia hộ; b- Hiển bày rõ ràng về duyên gia hộ; c- Khen ngợi nói về nhân duyên.

Nay phần a, nghĩa là bởi vì lực của Tam-muội. Luận nói rằng: “Nguyên cố chỉ gia hộ cho Kim Cang Tạng, là bởi vì đạt được Định này. Trước đây nhờ vào lực của Phật mà có thể nhập Định, nay nhờ vào lực của Định mà Phật hiện rõ, đều là tướng của lực tăng thượng. Vì sao gọi là Tam-muội Vô tác? Bởi vì hiển bày về Trí của tự giác vắng lặng mà không mất đi soi chiếu, sâu xa giống như tâm Phật, cho nên cảm được Phật hiện rõ ba nghiệp mà gia hộ.”

Phần b, từ “Thập phương...” trở xuống là hiển bày rõ ràng về duyên gia hộ: Nơi đến và số lượng chư Phật đều nói là ngàn, bởi vì hưởng về công hạnh hỷ còn yếu kém. Nhiều vị Phật gia hộ, là hiển bày về tâm cung kính tăng lên đối với Pháp và Pháp Sư. Lại hiển bày chư Phật cùng thuyết giảng cho nên gia hộ. Phật cùng tên gọi là Pháp Tuệ, bởi vì đạt được pháp không khác nhau. Luận nói rằng: “Bồ-tát này nghe giống với tên gọi của mình cho nên tăng thêm hăng hái, nhưng chư Phật hiện rõ ở trong môn Trú này, đều tên là Pháp Tuệ, bởi vì lực của pháp, cho nên pháp thuận theo như vậy.” Tất cả đều hiện rõ trước mắt, là bởi vì không đến mà đến.

Phần c, từ “Cáo Pháp Tuệ...” trở xuống là khen ngợi nói về nhân duyên, trong đó có hai: Một: Khen ngợi có nhân của gia hộ cho nên có thể nhập Định. Nói rằng ông có thể, là từ ngữ của sự mong mỏi vượt qua, Định này khó đạt được mà ông nay lại có thể tiến vào. Nêu ra tên gọi của Định, bởi vì xưa nay lặng lẽ tiến vào, Đại chúng chưa biết tên gọi cho nên nêu ra để khen ngợi, khiến cho Đại chúng ngưỡng mộ. Hai:

Từ “Thiện nam tử thập phương...” trở xuống là cùng nói về nhân duyên gia hộ và Định, trong đó: Trước là riêng biệt hiển bày về bốn nhân: 1: Thần lực của Phật bạn, chư Phật tự thuyết giảng, là bởi vì khiến cho Đại chúng tôn kính ngưỡng mộ; 2: Túc nguyện của Phật chủ; 3: Phật chủ hiện bày uy lực; 4: Thiện căn của Pháp Tuệ. Lược qua không có cơ cảm của Đại chúng. Sau là tiến vào Tam-muội này khiến cho ông thuyết pháp. Hai câu kết luận về nơi chốn của nhân, nghĩa là nhờ vào bốn sự việc trên đây, ba sự việc trước làm duyên, sự việc thứ tư là nhân, nhân duyên hòa hợp cho nên tiến vào Tam-muội này; vì vậy bốn sự việc trước đây là nhân của Định, khiến cho ông thuyết pháp tức là nhân của gia hộ. Luận nói: “Vì sao gia hộ? Bởi vì thuyết về pháp này. Vì vậy trong Thập Hạnh-Thập Hồi Hưởng, đều nói là khiến cho ông tiến vào Tam-muội này mà diễn thuyết về pháp. Lại đây là khiến cho ông thuyết pháp, cũng là tổng quát của văn sau.” Nhưng trong luận Thập Địa giải thích rằng chư Phật và Đức Giá-na đều do nguyện trước kia mà gia hộ, thì bốn đoạn này đều là nhân của gia hộ, bởi vì trong kinh ấy chư Phật chỉ nói là gia hộ uy thần cho ông, Đức Giá-na thì nói bởi vì Bốn nguyện lực cho nên gia hộ. Người xưa lại lấy sự gia hộ của chư Phật làm nhân đạt được Định, ba duyên sau chuyển làm nhân của gia hộ, liền khiến cho đạt được Định không có ba nhân sau, thì chữ Hựu(lại) đâu cần dùng đến? Đã kết luận rằng khiến cho ông tiến vào Tam-muội này, thì sao có thể ba duyên sau không làm nhân của Định? Không những trái với lý trong kinh văn, mà cũng chính là trái với luận đã giải thích. Nghĩa như thật thì bốn nhân này bao gồm hai nghĩa: 1- Dựa vào bốn sự việc này làm nhân đạt được Định, đã phân rõ như trên; 2- Dựa vào ba duyên sau lại là nhân của gia hộ, chư Phật vẫn dùng nguyện lực mà làm nhân của gia hộ. Luận chủ bởi vì hiển bày về ý nghĩa này, cho nên nói là Đức Phật ấy trước kia phát ra nguyện này, nay lại tự mình gia hộ.

Hỏi: Gia hộ cùng với Định trước-sau thế nào? Nếu trước là Định-sau là gia hộ, thì không nên nói: Ông có thể tiến vào Tam-muội này, đây là chư Phật mười phương cùng gia hộ cho ông; cho đến nói: Và lực thiện căn của ông mà tiến vào Tam-muội này. Nếu trước là gia hộ-sau là Định, thì không nên ở sau phần Tam-muội mới nói đến phần gia hộ. Lại trong luận Thập Địa nói: “Vì sao gia hộ? Bởi vì thuyết về pháp này.” Không nói là bởi vì tiến vào Tam-muội. Lại nói: “Chỉ gia hộ cho Kim Cang Tạng, không gia hộ cho người khác là bởi vì Bồ-tát này đạt được Định này.” Văn chứng minh đã đầy đủ thì thông hiểu như thế nào? Người xưa đáp rằng: “Gia hộ và Định cùng một lúc, nghĩa là nếu chưa

Định mà gia hộ thì tâm tán loạn không thể nào tiếp nhận được, nếu chưa gia hộ mà Định thì tự lực không có thể tiến vào Định sâu xa này, vì thế cho nên cùng một lúc.”

Cách giải thích này cũng trái với lý của giáo. Hiện tại nói là tiến vào Tam-muội rồi, chư Phật mới hiện thân khen ngợi đạt được Định, và nói về gia hộ qua việc đã làm rồi, mới gia hộ cho ba nghiệp, mà nói là cùng một lúc thì lẽ nào không trái với văn? Nếu nói là cùng một lúc làm nhân thì không thành tựu, điều này trái với lý, cũng không nên dẫn ra chứng minh có nhân đầy đủ, bởi vì hai sự việc này có lẽ tách rời nhau.

Nếu chính thức giải thích, thì gia hộ có hai loại: Nếu dựa theo trong-ngoài, thì thiện căn-uy thân-nguyện lực giúp đỡ sâu xa, khiến cho vị ấy đạt được Định là ở trước Định; nếu dựa theo trao cho Trí, thì khen ngợi nói rõ-xoa trên đỉnh đầu-khuyến khích thuyết giảng hiển bày gia hộ qua ba nghiệp, là ở sau Định. Hai văn rõ ràng sao lại làm cho nghi hoặc?

Phần 2: từ “Vi tăng trưởng...” trở xuống là phân rõ về gia hộ qua việc đã làm, tạm thời đối với nhân của gia hộ gọi là gia hộ qua việc đã làm. Nhưng gia hộ qua việc đã làm chính là thuộc về thuyết pháp, mười vị này cũng tức là thuyết pháp qua việc đã làm, lần lượt chuyển tiếp tác thành lẫn nhau.

Văn phân hai phần riêng biệt: Đầu là mười câu riêng biệt trình bày, sau là một câu kết luận về thuyết giảng.

Trong phần đầu, văn hàm chứa hai ý: Hưởng về gia hộ qua việc đã làm tức là nói riêng biệt, hưởng về thuyết pháp tức là ý của thuyết pháp, nghĩa là gia hộ để thuyết pháp. Thuyết pháp vì điều gì? Làm cho tăng thêm Trí của Phật..., như vậy thuyết pháp qua việc đã làm tức là gia hộ qua việc đã làm.

Ở trong mười câu: Đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Tổng quát nghĩa là thuyết về pháp của Thập Trí, nay tin hiểu (Tín giải) về sự tu hành của các Bồ-tát, tăng trưởng hai tánh thuộc về Tánh-Tập mà phát sinh Trí của Bồ-đề. Lại nhờ vào Trí này tức là giống với Trí của Phật, cũng có thể nói là tăng thêm. Tăng thêm Trí có tác dụng gì? Bởi vì tiến sâu vào pháp giới... Chín câu riêng biệt có năm cặp: Hai câu đầu là một cặp về chứng đạt Chân-hiểu rõ Tục, nghĩa là tiến vào không có-tiến vào tướng cho nên nói là tiến sâu vào, hiểu rõ tướng-hiểu rõ tánh cho nên nói là khéo léo hiểu rõ. Hai câu tiếp là một cặp về không có chướng-không có ngại, bởi vì tiến vào pháp giới là xa trở ngại của phiền não, bởi vì hiểu rõ chúng sinh là xa Sở tri chướng. Hai

câu tiếp là một cặp về nhân tròn vẹn-hướng đến quả, nghĩa là khéo léo ổn định Chân-Tục không gì sánh bằng cho nên nhân tròn vẹn, tiến vào Tát-bà-nhã cho nên nói là quả đầy đủ. Hai câu tiếp là một cặp về hiểu rõ pháp-nhận biết căn. Một câu sau tuy không phải một cặp về văn mà là một cặp về nghĩa, nghĩa là bên trong duy trì các pháp-bên ngoài nói về Lợi tha.

Sau từ “Sở vị...” trở xuống là tổng quát kết luận về pháp đã thuyết giảng, nghĩa là nếu thuyết về Thập Trú, thì pháp đã nói trước đây đều được thành tựu.

Phần 3: Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là chính thức phân rõ về tướng gia hộ, phân ba: a- Miệng gia hộ là khuyến khích thuyết giảng để tăng thêm biện tài; b- Ý gia hộ là bí mật che chở để tăng thêm trí tuệ; c- Thân gia hộ là xoa trên đỉnh đầu để tăng thêm uy lực.

Phần a, miệng gia hộ có thể biết.

Trong phần b, từ “Thị thời...” trở xuống là ý gia hộ: Trước là gia hộ, sau là giải thích.

Trong phần trước, trao cho mười loại Trí: Đầu là tổng quát, nghĩa là Trí thuộc về bốn Vô ngại giải, vốn là chỗ dựa của thuyết pháp; còn lại đều là Lạc thuyết vô ngại, đó là: 1- Vô trước, luận gọi là biện tài không vướng mắc, bởi vì đối với pháp đã thuyết giảng không có gì vướng mắc, tức là Tiếp biện trong bảy Biện, cần nói thì nói cho nên không có vướng mắc. 2- Vô đoạn tri, tức là Vô đoạn biện, nghĩa là nối tiếp nhau thông suốt mà cuối cùng không hề cạn. 3- Vô si, tức là Tấn biện, bởi vì rõ ràng đối với sự lý, tâm không hề si ám, lời nói thì nhanh chóng như dòng sông tuôn chảy. 4- Vô dị, tức là Ứng biện, bởi vì hợp thời-hợp căn mà không hề sai khác. 5- Vô thất, tức là Vô thác mậu biện, bởi vì thuyết giảng phù hợp với lý mà không hề sai lạc. 6- Vô lượng, tức là Phong nghĩa vị biện, bởi vì danh-số sự-lý đều vô lượng. 7- Vô thắng, tức là Nhất thiết thế gian tối thượng diệu biện, loại này có năm đức: Một là rất sâu xa như sấm rền; hai là trong trẻo vang xa nghe thấy; ba là âm thanh ấy hòa nhã như tiếng chim Ca-lăng-tần-già; bốn là có thể khiến cho hợp với tâm kính yêu của chúng sinh; năm là có ai nghe thấy âm thanh ấy thì hoan hỷ không hề chán ngán. Đây đủ năm nghĩa này cho nên nói là Vô thắng. Bảy loại trên tức là bảy Biện. 8- Vô giải, là bao gồm thúc đẩy bảy Biện trước đây mà không hề mệt mỏi rời. 9- Vô đoạt, là đầy đủ tổng quát-riêng biệt trước đây, không có năng lực nào chế phục mà làm cho lui sụt.

Sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là đưa ra giải thích. Trước đưa ra ý

nói rằng: Chư Phật có Lực có thể trao cho, có Từ có thể phủ khắp, vì sao mười Trí chỉ trao cho Pháp Tuệ? Sau giải thích rằng: Pháp Tuệ đạt được Tam-muội này, pháp thích hợp như vậy, cho nên được chư Phật gia hộ.

Phần c, từ “Thị thời...” trở xuống là thân gia hộ, một là khiến cho tăng thêm uy lực, hai là khiến cho xuất Định đứng lên. Nhưng ba nghiệp gia hộ cùng một lúc tùy theo nghĩa làm thứ tự, tiếp nối phương tiện thuyết giảng trước đây cho nên trước là gia hộ bằng lời nói, vì khiến cho xuất Định đứng lên cho nên thân ở sau cuối. Dựa theo Địa Luận: “Kinh có chư Phật không rời khỏi trú xứ của mình là đi-đứng vô ngại, tay lại không duỗi ra là dài-ngắn vô ngại, cùng một lúc xoa trên đỉnh đầu là một-nhiều vô ngại, đều là đặc biệt hiếm thấy.” Cần phải xoa trên đỉnh đầu, thì kinh Lăng Già nói: “Nếu có ai không có được hai loại thần lực của Như Lai đã kiến lập, mà có thể thuyết pháp thì điều này không thể xảy ra.” Một là thần lực thuộc về thân diện-ngôn thuyết, tức là gia hộ bằng lời nói trước đây; hai là thần lực thuộc về quán đánh, tức là trí rười trên đỉnh đầu của tâm-tay xoa trên đỉnh đầu của thân. Đỉnh đầu được xoa, là phía trên tiếp nhận uy lực tôn quý. Tay phải, là Pháp Tuệ đã thuyết giảng thuận với lý của căn cơ, cho nên chư Phật tùy thuận với sự thuyết giảng của Pháp Tuệ.

Ba: Từ “Pháp Tuệ Bồ-tát...” trở xuống là phần phát khởi, tóm lược dựa vào bốn ý: 1- Bởi vì kết thúc sự việc về Tam-muội; 2- Bởi vì đã đạt được lực thù thắng; 3- Bởi vì đến lúc thuyết giảng; 4- Bởi vì trong Định không có ngôn thuyết. Bốn ý này là lấy những ý sau để giải thích những ý trước.

